

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 98/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 10 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Liệu; Bà Trương Thị Lê Thanh.
- T ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tọng – T ký Tòa án nhân dân huyện Q.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2018 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bảo T - sinh năm 1990.
Địa chỉ: số nhà 08 tổ 1, ấp Hòa Trung, xã N, huyện Q, tỉnh Đ.
- Bị đơn: Anh Phạm Vũ Anh T - sinh năm 1989.
Địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện Q, tỉnh Đ.
(Chị T có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2017, bản tự khai ngày 19/01/2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bảo T trình bày:

Chị và anh Phạm Vũ Anh T đã tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Đ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 31/12/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh P đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T sử dụng trái phép chất ma túy dẫn đến thất thoát tài sản gia đình. Khi chị khuyên can thì anh T đánh chị nên vợ chồng Từng xuyên xảy ra cãi nhau, bất đồng mọi quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, xây dựng hạnh

P nhưng vợ chồng chị vẫn không thể hòa thuận được. Ngày 12/8/2017, anh T tiếp tục đuổi đánh chị nên chị phải ra ngoài sống ly thân với anh T cho đến nay. Nay chị không còn khả năng hàn gắn hạnh P và tình cảm vợ chồng đã hết nên chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng với anh Phạm Vũ Anh T.

Chị và anh T có 01 con chung là Phạm Nguyễn Gia P – sinh ngày 16/01/2014. Khi chị về nhà mẹ ruột sống ly thân với anh T, chị mang con theo nhưng bị anh T dùng vũ lực bắt con và ngăn cản quyền thăm con của chị. Nay, chị yêu cầu Tòa án được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, tổng đạt Thông báo thụ lý số 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2018 cho anh Phạm Vũ Anh T theo quy định của pháp luật nhưng anh T không có ý kiến trả lời. Tòa án đã triệu tập anh T đến Tòa án để làm việc, để tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, để hòa giải nhưng anh T không chấp hành triệu tập của Tòa án.

Tranh tụng tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị Bảo T trình bày: Mỗi lần chị đến thăm con thì anh T đều đuổi đánh chị và có lần đánh chị đến ngất xỉu phải cấp cứu nên chị rất sợ anh T, vì vậy chị xin Tòa án chấp nhận cho chị được ly hôn với anh T. Chị đang là nhân viên quản lý cho Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hoàn Thiện tại quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh thu nhập từ lương, Tổng bình quân mỗi tháng 15.000.000đ; đồng thời, chị có chỗ ở ổn định nên đảm bảo về mặt vật chất để nuôi con khôn lớn nên người. Anh T làm nghề mộc nhưng thu nhập không ổn định và bản thân anh T là người nghiện ma túy nên việc nuôi con nhỏ sẽ không thuận lợi bằng chị. Chị yêu cầu Tòa án chấp nhận cho chị được quyền nuôi con sau khi ly hôn và không cần anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Kiểm sát viên tại phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Chị T có điều kiện nuôi con tốt nên đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Tài sản do các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Phạm Vũ Anh T cư trú tại ấp 1, xã L, huyện Q, tỉnh Đ nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Q có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh Phạm Vũ Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Phạm Vũ Anh T tự nguyện kết hôn; hôn nhân không vi phạm điều cấm nên được công nhận hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương (Bút lục 25, 26) thể hiện quá trình sống chung vợ chồng chị T và anh T Tòng cải vả, xô xát nhau và vợ chồng chị T, anh T đã sống ly thân nhau nên Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh T đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn nhưng cả hai người không đưa ra giải pháp để hàn gắn hạnh P gia đình mà tự chấm dứt cuộc sống chung. Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ Tong yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Tuy nhiên, kể từ tháng 8 năm 2017 đến nay, chị T và anh T không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống.

Tòa án đã nhiều lần mời chị T và anh T đến để hòa giải, hàn gắn tình cảm cho hai người nhưng anh T không chấp hành; điều đó thể hiện anh T không còn mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung giữa chị Nguyễn Thị Bảo T và

anh Phạm Vũ Anh T là cháu Phạm Nguyễn Gia P – sinh ngày 16/01/2014; cháu đang sống chung với anh T.

Tòa án đã yêu cầu anh T trình bày về điều kiện và nguyện vọng đối với tranh chấp về quyền nuôi con của chị T nhưng anh T không chấp hành.

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện anh T là người có xu hướng bạo lực; ngược lại, chị T là người có đạo đức, nhân cách tốt, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên, có cơ sở tin cậy rằng nếu giao cháu Phạm Nguyễn Gia P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng thì cháu P sẽ được chăm sóc, phát triển tốt. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu P, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu P cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Vì quyền lợi của con chung, anh T có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản; anh T, chị T có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ này cho anh T.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bảo T phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bảo T và bị đơn anh Phạm Vũ Anh T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Gia P – sinh ngày 16/01/2014 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Vũ Anh T do chị

Nguyễn Thị Bảo T không yêu cầu.

Vì quyền lợi của con chung, anh T có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở; anh T, chị T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Bảo T phải chịu 300.000 đồng. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 004664 ngày 17/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Bảo T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Vũ Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu.

Lê Xuân Hòa